TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA HANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **83**/2023/HNGĐ-ST Ngày 16/11/2023 V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Đức Nhâm.

2. Ông: Chẩu Văn Khỏe.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đàm Thị Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử công khai vụ án thụ lý số: **36**/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2023, về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **34**/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 9 năm 2023. Quyết định hoãn phiên tòa số: **23**/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2023.

1. Nguyên đơn: Chị Bàn Thị L, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn C, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Bàn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu chị và anh Đặng Văn C được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào tháng 7/2012, đến ngày 12/3/2015 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Y trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị cư trú thôn N, xã Y, anh, chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống cũng như trong sinh hoạt vợ chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, có vài lần anh C đã đánh chị. Việc vợ chồng chị mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không đạt kết quả gì, anh, chị đã sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay, chị L đã bỏ về nhà ngoại cư trú, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc tới nhau nữa, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên các cháu là Đặng Duy T, sinh ngày: 06/4/2013 và Đặng Yên T1, sinh ngày: 14/01/2015, hiện cả 02 cháu đang ở với chị và học hành tại Trường Tiểu học xã Đ, để thuận tiện trong việc học hành và đi lại của các cháu, khi ly hôn nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, việc cấp dưỡng nuôi con để chị và anh C tự thỏa thuận. Bình quân thu nhập hàng tháng của chị từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ (tám triệu đồng) đủ đảm bảo nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, gửi bản sao đơn khởi kiện cho anh C nhưng do anh C không có mặt tại nơi cư trú nên không tiến hành tống đạt được, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, anh C không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có yêu cầu phản tố hay ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Xác minh tại thôn T, xã Y, huyện N, được ông Triệu Văn T2 trưởng thôn biết như sau: Trước đây chị L, anh C đi làm công nhân ở xa nhà, mỗi lần về nhà thường hay thấy cãi, chửi nhau, nguyên nhân xuất phát từ đâu thì thôn không nắm bắt được vì chị L, anh C không đề nghị hòa giải. Chị L đã bỏ về nhà ngoại ở thôn N, xã Đ được khoảng 03 năm nay, 02 năm đầu không về nhà anh C một lần nào, Tết (âm lịch) 2023 vợ chồng anh nói mãi chị L mới cho các cháu về chơi với ông, bà nội ở thôn N, xã Y. Anh C hiện không có mặt tại nơi cư trú đi làm ăn xa còn cụ thể anh C

đi làm ở đâu không nắm bắt được, anh C vẫn cư trú tại địa phương đến đầu tháng 3/2023 mới đi khỏi địa phương. Chị L, anh C có 02 con chung tên các cháu là Đặng Duy T và Đặng Yên T1 hiện cả 02 cháu ở với chị L ở thôn N, xã Đ.

Tiến hành lấy lời khai của các cháu T, T1, bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của các cháu mong muốn được ở với mẹ là chị Bàn Thị L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi HĐXX vào nghị án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của BLTTDS; Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GĐ); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị L.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bàn Thị L được ly hôn anh Đặng Văn C.

Về con chung: Giao các cháu Đặng Duy T, sinh ngày: 06/4/2013 và Đặng Yên T1, sinh ngày: 14/01/2015, cho chị Bàn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Đặng Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra tuyên buộc chị Bàn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và quyền kháng cáo của các đương sự.

Kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện N xem xét về hành vi giao cấu với người dưới 16 tuổi đối với anh Đặng Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Văn C đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Y, huyện N. Việc Tòa án nhân dân huyện Na Hang, thụ lý vụ án trên là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của BLTTDS.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L, thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh C, anh C đã không có mặt để làm việc, do đó Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được; thuộc trường hợp Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của BLTTDS. Chị Bàn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, quá trình xác minh anh C không có mặt tại nơi cư trú từ đầu tháng 3/2023 cho đến khi xét xử mà không thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 của BLTTDS, xác định anh C cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị L và anh Đặng Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Việc đương sự trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân là hoàn toàn phù hợp với những chứng cứ, tài liệu mà Tòa án đã thu thập được. HĐXX xét thấy chị L, anh C có thời gian sống ly thân đã lâu, trong thời gian ly thân các bên không còn quan tâm, chăm sóc tới nhau nữa, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật HN&GĐ, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bàn Thị L.

[3] Về con chung: Chị Bàn Thị L xác định vợ chồng chị có 02 con chung là các cháu Đặng Duy T và Đặng Yên T1, các cháu T, T1 đều được khai sinh trước khi chị L, anh C đăng ký kết hôn, tuy nhiên trong Giấy khai sinh của cháu T anh C là người trực tiếp đi khai sinh cho cháu, còn cháu T1 được khai sinh trong thời gian chị L, anh chiều sống hạnh phúc đây là sự thừa nhận bằng hành vi cụ thể của các đương sự, xác định các cháu T, T1 là con chung của chị L và anh C.

[3.1] Về việc giao nuôi con: Quá trình giải quyết chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con khi vợ chồng chị ly hôn; ý kiến của các cháu T, T1 đều có nguyện vọng được ở với chị L khi bố mẹ ly hôn, các cháu hiện đang học tại Trường Tiểu học Đ; anh C hiện không có mặt tại nơi cư trú. Xét thấy kể từ khi chị L, anh C sống ly thân các cháu T, T1 đã được chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh C đã không quan tâm, chăm sóc tới con. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật HN&GĐ, HĐXX xét thấy cần giao các cháu Đặng Duy T, Đặng Yên T1 cho chị Bàn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con là phù hợp có căn cứ.

[3.2] Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Bàn Thị L không yêu cầu anh Đặng Văn C, phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy đây là quyền quyết định, tự định đoạt của đương sự, do đó không buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với

ý chí của đương sự. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Bàn Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bàn Thị L phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] HĐXX xét thấy tính đến ngày sinh cháu Đặng Duy T chị Bàn Thị L mới được 16 (mười sáu) tuổi 05 (năm) tháng 10 (mười) ngày, anh Đặng Văn C có hành vi vi phạm pháp luật hình sự của tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" do đó cần kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Tuyên Quang, xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị L.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị L được ly hôn anh Đặng Văn C.

Về con chung: Giao các cháu Đặng Duy T, sinh ngày: 06/4/2013 và Đặng Yên T1, sinh ngày: 14/01/2015 cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Bàn Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, theo biên lai thu tiền tạm ứng phí số: AA/2021/0005078, ngày 19/5/2023.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Tuyên Quang, xem xét về hành vi "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" đối với anh Đặng Văn C.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- CQCSĐT Công anh huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã Yên Hoa, huyện Na Hang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trường Giang